

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/DS-ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
TỈNH T**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Ngọc Giàu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Võ Xuân Phong**.

2/ Bà **Võ Thị Sơn**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Lê Thị Hoàng Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Phạm Thị D**, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Số 206, ấp Long Thành, xã Long Thành Trung, huyện H, tỉnh T.

- ***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Bà **Mang Thị Huôi**, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 123/11A, tổ 22B, ấp Long Thành, xã Long Thành Trung, huyện H, tỉnh T.

NỘI D V VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2018 của nguyên đơn bà Phạm Thị D, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà D trình bày:

Bà D là hui viên còn ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H là chủ thảo hui. Bà D có tham gia 03 dây hui do ông T bà H làm chủ thảo cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất hội 1.000.000 đồng khai 09/4/2011 (AL), gồm 28 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 09 (AL) hàng tháng, bà tham gia 01 phần, đã đóng hội cho ông T bà H đến lần thứ 22 được số tiền gốc 15.650.000 đồng. Dây hội thứ hai hội 500.000 đồng khai ngày 02/12/2009 (AL), gồm 31 phần, mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 02 và ngày 17 (AL) hàng tháng, bà tham gia 01 phần và đã đóng được 28 lần được số tiền hội gốc là 9.800.000 đồng. Dây hội thứ ba hội 500.000 đồng khai ngày 18/7/2011 (AL), gồm 30 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 18 (AL) hàng tháng, bà tham gia 01 phần và đã đóng được 08 lần được số tiền hội gốc là 2.800.000 đồng. Tổng cộng số tiền hội gốc mà bà D đã đóng cho ông T và bà H là 28.250.000 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), khi tham gia hội ông T bà H có giao danh sách hội viên cho bà D. Đến đầu năm 2013 thì ông T bà H tuyên bố vỡ hội và bỏ trốn.

Nay ra Tòa bà D yêu cầu ông T và bà H có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền gốc là 28.250.000 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), không yêu cầu tính tiền lãi.

** Ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã thông báo và thực hiện việc tổng đạt hợp lệ cho ông T, bà H phải đến Tòa án tham gia giải quyết vụ kiện này nhưng ông T, bà H vẫn vắng mặt không có lý do.*

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H:**

Về thủ tục tố tụng trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và trình tự tiến hành phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã thông báo và thực hiện việc tổng đạt hợp lệ đối với ông T, bà H nhưng ông T, bà H vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà D có tham gia 03 dây hội do ông T bà H làm thảo hội và bà D đã đóng được số tiền hội gốc tổng cộng là 28.250.000 đồng, sau đó ông T bà H tuyên bố bị vỡ hội và bỏ trốn nên hai bên không tiếp tục việc giao dịch góp hội nữa, nay bà D khởi kiện yêu cầu ông T bà H trả số tiền hội gốc là 28.250.000 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H có nơi cư trú tại số 123/11A, tổ 22B, ấp Long Thành, xã Long Thành Trung, huyện H, tỉnh T nên Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông T và bà H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án và tham dự phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H.

[2] Về nội D vụ án:

Bà D có tham gia các dây hội do ông T bà H làm thảo hội cụ thể:

Dây hội 1.000.000 đồng mở ngày 09/4/2011 (AL), gồm 28 phần, mỗi tháng khai 01 lần, bà D tham gia 01 phần, đã đóng được 22 lần số tiền gốc 15.650.000 đồng. Dây hội 500.000 đồng mở ngày 02/12/2009 (AL), gồm 31 phần, mỗi tháng khai 02 lần, bà D tham gia 01 phần và đã đóng được 28 lần số tiền gốc là 9.800.000 đồng. Dây hội 500.000 đồng mở ngày 18/7/2011 (AL), gồm 30 phần, mỗi tháng khai 01 lần, bà D tham gia 01 phần và đã đóng được 08 lần số tiền gốc là 2.800.000 đồng. Tổng cộng số tiền hội gốc mà bà D đã đóng cho ông T và bà H là 28.250.000 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Đến đầu năm 2013 thì ông T bà H tuyên bố vỡ hội và bỏ trốn không trả lại tiền góp hội cho bà D là vi phạm nghĩa vụ T toán nên bà D khởi kiện. Do đó xác định đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng góp hội” được quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Xét nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Trong quá trình điều tra giải quyết vụ án, qua danh sách hội viên do ông T bà H cung cấp cho bà D và qua xác minh những người hội viên cùng tham gia dây hội với bà D cũng đều xác định ông T, bà H là thảo hội và bà D là hội viên, bà D có tham gia các dây hội trên là có thật. Nay ra Tòa bà D chỉ yêu cầu ông T bà H trả lại số tiền hội gốc đã đóng là 28.250.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận. Do đó, cần buộc ông T, bà H có nghĩa vụ trả lại cho bà D số tiền nợ hội gốc 28.250.000 đồng, ghi nhận bà D không yêu cầu ông T và bà H trả lãi.

[4] Theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[5] Ông T, bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D đối với ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị Huôi.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị D số tiền hội gốc là 28.250.000 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), ghi nhận bà D không yêu cầu ông T bà H trả tiền lãi.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T và bà H không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông T và bà H còn phải trả cho bà D số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H phải chịu 1.412.000 đồng (Một triệu bốn trăm mười hai ngàn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện H hoàn trả cho bà Phạm Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00019317 ngày 16 tháng 01 năm 2018.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho bà D biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T, bà H vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ (G).

PHẠM NGỌC GIÀU